TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **34**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 03 - 2024
"V/v *Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Uyên.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lương Công Hạnh và ông Phạm Văn Nam.

Thư ký phiên tòa: Ông Thái Đức Duy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 494/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXX-ST ngày 07/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm 1988; Địa chỉ thường trú: D L, Phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Địa chỉ liên hệ: Thôn N, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Diệp Thế H, sinh năm 1983; Địa chỉ thường trú: D L, Phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Địa chỉ liên hệ: A N, Tổ A, khu phố C, Phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Huỳnh Thị Thanh T trình bày: Chị T kết hôn với anh Diệp Thế H vào năm 2006 tại UBND xã H, huyện P, hôn nhân tự nguyện, ban đầu sống chung hạnh phúc. Hai vợ chồng ở tại Phường B, thành phố T, Phú Yên. Sau đó, vợ chồng xảy ra mẫu thuẫn, cãi vã lẫn nhau. Lý do vì anh H có quan hệ với người khác rồi về đánh đập chị, chị không thể chịu đựng được nữa nên về nhà mẹ ruột tại thôn N, xã H ở đến nay. Nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, bản thân chị không còn tình cảm với anh H nên xin toà giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Diệp Tư Q, sinh ngày 22/11/2006 và Diệp Tư V, sinh năm 2011. Từ khi hai cháu sinh ra đến nay thì đều ở cùng với cha và ông bà nội tại Phường B, thành phố T. Chị cũng muốn nuôi các cháu nhưng cha cháu không cho nên chị chấp nhận để anh H nuôi. Chị làm thuê, thu nhập hàng tháng khoảng 3.000.000 đồng mỗi tháng nhưng cũng bấp bênh nên không đủ tiền nuôi con. Nay, khi ly hôn thì chị chấp nhận giao con cho anh H nuôi, sẽ chu cấp cho các cháu trong khả năng của mình, không yêu cầu Toà án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Anh Diệp Thế H là thợ hàn, thu nhập của anh H là bao nhiêu thì không rõ. Từ khi chị về nhà mẹ ruột đến nay thì vẫn qua lại thăm con bình thường.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

***Bị đơn anh Diệp Thế H vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 01/3/2024 trình bày:** Anh Hòa kết h với chị Huỳnh Thị Thanh T năm 2006, sống chung với nhau tại nhà D L, Phường B, thành phố T, Phú Yên. Trong quá trình sinh sống có 02 con chung là Diệp Tư Q, sinh ngày 22/11/2006 và cháu Diệp Tư V, sinh năm 2011. Mâu thuẫn xảy ra liên quan đến tài chính, công việc gia đình. Nay anh và chị T không sống chung với nhau nữa, chị T yêu cầu ly hôn, anh cũng đồng ý, yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn.

Về con chung: 02 con chung là Diệp Tư Q, sinh ngày 22/11/2006 và cháu Diệp Tư V, sinh năm 2011. Hiện nay, hai cháu đang ở với anh và ông bà nội từ nhỏ đến nay. Nay chị T không nuôi hai con, đồng ý để anh nuôi hai cháu thì anh trình bày các cháu đã ở với anh từ nhỏ, hiện đi học, đi làm ổn định nên cứ để hai cháu anh nuôi. Về cấp dưỡng thì tuỳ chị T, anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về việc tham gia tố tụng tại Toà: anh H bận công việc, không thể đến Toà làm việc, không trình bày gì thêm. Do đó, anh H yêu cầu Toà án giải quyết vắng mặt anh tại các phiên hoà giải cũng như xét xử vắng mặt anh.

Tại Biên bản xác minh ngày 01/3/2024 tại Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố T, Phú Yên xác định gia đình anh Diệp Thế H và chị Huỳnh Thị Thanh T trước kia sống ở tổ B, khu phố C, phường B, thành phố T nhưng nay chỉ có anh H và các cháu D Tư Quyên và Diệp Tư V sống cùng ông bà nội là Diệp N, Trần Thị Kim H1 tại đây. Khu phố không tiếp nhận thông tin phản ánh gì về mâu thuẫn gia đình giữa vợ chồng anh H, chị T.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với bị đơn H, chấp nhận giao các con chung cho cha là Diệp Thế H nuôi, nguyên đơn sẽ cấp dưỡng trong khả năng của mình. Tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt yêu cầu xét xử vắng mặt. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; Về con chung: Giao cháu Diệp Tư Q, Diệp Tư V cho bị đơn chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục. Không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên đề nghị không xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Huỳnh Thị Thanh T yêu cầu giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con với bị đơn Diệp Thế H có địa chỉ tại khu phố C, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên giải quyết theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Thủ tục tố tụng: Bị đơn Diệp Thế Hoà vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Huỳnh Thị Thanh T và bị đơn Diệp Thế Hoà tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, được UBND xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 04/4/2006, đảm bảo về điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Nguyên đơn trình bày vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn vì kinh tế, có quan hệ với người thứ ba nên tình cảm vợ chồng rạn nứt, bị đơn còn đánh đập nguyên đơn nên không ở chung được nữa mà về nhà mẹ đẻ của nguyên đơn ở đến nay. Trong thời gian đó, các bên không ai quan tâm, hỏi han lẫn nhau, không còn cuộc sống gia đình, nguyên đơn không còn tình cảm với bị đơn, yêu cầu ly hôn. Bị đơn chấp nhận ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn nữa.

[5] Xét hai bên đương sự xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không sống chung, không còn trách nhiệm và tình thương cho nhau, không cùng nhau chăm sóc con chung, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng. Xét mâu thuẫn giữa các đương sự đã trầm trọng, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[6] Con chung: Giữa nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung là Diệp Tư Q, sinh ngày 22/11/2006 và cháu Diệp Tư V, sinh năm 2011. Hiện nay, hai cháu

đang ở với cha và ông bà nội. Nguyên đơn đồng ý giao các con chung cho cha nuôi. Bị đơn đồng ý nuôi các con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Các con chung có nguyện vọng ở với cha. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của các con chung, Hội đồng xét xử xét giao các cháu Q, V cho bị đơn H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Cấp dưỡng nuôi con: Bị đơn Diệp Thế H không yêu cầu nguyên đơn Thuỳ cấp dưỡng nuôi con. Nguyên đơn T sẽ chu cấp nuôi con trong khả năng của mình, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng. Xét việc không yêu cầu cấp dưỡng là tự nguyện nên chấp nhận.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[9] Về án phí*:* Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Huỳnh Thị Thanh T được ly hôn với bị đơn Diệp Thế H.

2. Về con chung: Giao các con chung Diệp Tư Q, sinh ngày 22/11/2006 và Diệp Tư V, sinh năm 2011 cho bị đơn Diệp Thế Hoà trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Nguyên đơn Huỳnh Thị Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp cần thiết, các bên đương sự có quyền được yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí HNGĐ-ST: Nguyên đơn Huỳnh Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0012705 ngày 08/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Nguyên đơn T đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND Tp. Tuy Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS Tp. Tuy Hòa;
- UBND xã Hoà Quang Bắc (số 18/2006);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Ngọc Uyên